TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 430/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-4-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Việt

2. Ông Trần Văn Triều

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/9/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 850/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1859/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Kỷ Hồ Thanh S, sinh năm 1986 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: A P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Tran Ngoc K, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: 5844 Wise RD Lansing MI 48911, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/8/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Kỷ Hồ Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Tran Ngoc K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H và được cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số 2735, Quyển số 11 ngày 20/8/2007. Sau khi kết hôn bà Tran Ngoc K trở về Hoa Kỳ sinh sống. Vì công việc ông và bà Tran Ngoc K không có thời gian dành cho nhau, cũng vì khoảng cách địa lý vợ chồng ít liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Tran Ngoc K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận việc, ông đề nghị được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là bà Tran Ngoc K, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ: Tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày, giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu bà Tran Ngoc K có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc ông Kỷ Hồ Thanh S khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo văn bản ủy thác tư pháp số 166/TTTPDS-TA30 ngày 24/02/2020). Tuy nhiên, Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ đã không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu. Ngày 25/12/2020, Tòa án có Công văn số 1045/TAND-CV đề nghị Đ tại Hoa Kỳ thực hiện thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán theo quy định để thông báo ngày, giờ, địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa đối với bà Tran Ngoc K . Theo đó, Đ tại Hoa Kỳ đã niêm yết công khai tại trụ sở; Hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày thông báo, bà Tran Ngoc K vẫn không liên hệ với Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của ông S.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Kỷ Hồ Thanh S, Hội đồng xét xử nhận thấy ông S và bà Tran Ngoc K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Tran Ngoc K hiện cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai; thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của ông Kỷ Hồ Thanh S được ly hôn bà Tran Ngoc K, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của ông S (ông S cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của ông) thì thực tế sau khi kết hôn ông S và bà Tran Ngoc K chung sống không hạnh phúc. Từ khi kết hôn cho đến nay, ông S và bà Tran Ngoc K không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay ông S và bà Tran Ngoc K đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông S yêu cầu ly hôn với bà Tran Ngoc K là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông S khai không có, Tòa án không xem xét.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông Kỷ Hồ Thanh S được ly hôn với bà Tran Ngoc K là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Kỷ Hồ Thanh S phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Kỷ Hồ Thanh S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Kỷ Hồ Thanh S được ly hôn với bà Tran Ngoc K.

- Giấy chứng nhận kết hôn số 2735, Quyển số 11, ngày 20/8/2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho ông Kỷ Hồ Thanh S và bà Tran Ngoc K không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Kỷ Hồ Thanh S khai không có, Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Kỷ Hồ Thanh S chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0024477 ngày 19/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S đã nộp đủ tiền án phí.

3. Ông Kỷ Hồ Thanh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Bà Tran Ngoc K được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN	HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Quang Việt	**Trần Văn Triều**	**Hoàng Thị Bích Duyên**